

Số: **2160**/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày **24** tháng **8** năm 2023

V/v đăng tải, xin ý kiến và đề nghị
xây dựng Đề án đối với dự thảo
Nghị quyết Quy định về mức thu lệ
phí đối với hoạt động cung cấp
dịch vụ công bằng hình thức trực
tuyến trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3834/UBND-TC ngày 15/8/2023 về việc phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

Trên cơ sở các công văn rà soát, đề xuất về mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Công văn số 1699/SKH-ĐKKD ngày 16/8/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; số 1149/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 15/8/2023 của Sở Tư pháp; số 1920/SXD-VP ngày 16/8/2023 của Sở Xây dựng; số 1674/STNMT-VP ngày 18/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đề Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi) tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính **trước ngày 25/9/2023** để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định.

2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Trên cơ sở mức thu lệ phí đề xuất tại các văn bản đã gửi Sở Tài chính, nội dung dự thảo Nghị quyết và quy định tại Luật phí, lệ phí¹; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 và các văn bản chuyên ngành có liên quan, đề nghị các đơn vị **xây dựng Đề án thu lệ phí** đối với hình thức sử dụng dịch vụ

¹ "1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) **Xây dựng đề án thu phí, lệ phí:** trình bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính), sở quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh). Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu; không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí, bộ quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính) theo quy định tại Khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo sở quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

c) Đề án thu lệ phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí; dự kiến mức thu và căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu lệ phí; miễn, giảm lệ phí; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp, hiệu quả thu lệ phí.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh."

công trực tuyến, hoàn thiện Đề án gửi Sở Tài chính thẩm định **trước ngày 15/9/2023**.

3. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi trên hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Trang Website Sở Tài chính;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT; QLNS (B).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số /TTr-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ....

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Công văn số 2221/BTC-CST ngày 10/3/2023 của Bộ Tài chính về việc thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX kỳ họp thứ ... một số nội dung cụ thể như sau:

I. TÊN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và các quy định hiện hành về lệ phí

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo. Trong đó tại mục 12 có giao Bộ Tài chính “ *nghiên cứu, đề xuất cơ chế ưu đãi về phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3 năm 2023*”

Ngày 10/3/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Văn bản số 2221/BTC-CST về việc thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023, trong đó tại mục 1 và mục 2 có nêu:

“1. Tại Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định...”

Căn cứ quy định nêu trên, hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến không thuộc đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí. Do đó, để khuyến khích hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến có thể quy định mức phí, lệ phí thấp hơn so với mức phí, lệ phí áp dụng đối với cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Việc miễn, giảm phí, lệ phí phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng dịch vụ công cụ thể và thuộc thẩm quyền quy định của 04 cơ quan (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

2. Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí ... Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ....

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2023”.

2. Cơ chế ưu đãi phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại địa phương (đối với các danh mục phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh): Hiện nay trên địa bàn tỉnh, HĐND tỉnh đã ban hành 12 Nghị quyết quy định phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại chưa có quy định mức phí, lệ phí riêng khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

3. Từ các vấn đề nêu trên, để triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, HĐND, UBND tỉnh và khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến, góp phần đẩy mạnh thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh là phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bảo đảm việc thi hành Luật Phí và lệ phí, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC). Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính; khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến, góp phần đẩy mạnh thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm:

Phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm tính khả thi, phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và tương đồng với các tỉnh lân cận trong khu vực.

IV. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã;

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013

Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật quản lý Thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý Thuế;

Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung bởi: Điều 76 Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017, Khoản 3 Điều 116 Luật Cảnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018, Khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai; Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của

Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở tổng hợp công văn rà soát, đề xuất về mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Công văn số 1699/SKH-ĐKKD ngày 16/8/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; số 1149/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 15/8/2023 của Sở Tư pháp; số 1920/SXD-VP ngày 16/8/2023 của Sở Xây dựng; số 1674/STNMT-VP ngày 18/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài chính đã có Công văn số .../STC-QLNS ngày .../.../2023 gửi các cơ quan có liên quan và Sở Thông tin và Truyền thông về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết, đề nghị xây dựng Đề án thu lệ phí của các cơ quan quản lý chuyên ngành và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có .../... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số .../BBTCTTĐT-STTT ngày .../.../... về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với dự thảo văn bản QPPL, kết quả từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... có ... ý kiến đóng góp từ hệ thống.

Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../.../...

VI. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

VII. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không

Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: Dự thảo Nghị quyết; Biểu tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; Biểu giải trình báo cáo thẩm định.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ/.

Nơi nhận:

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../2023/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 2023



NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

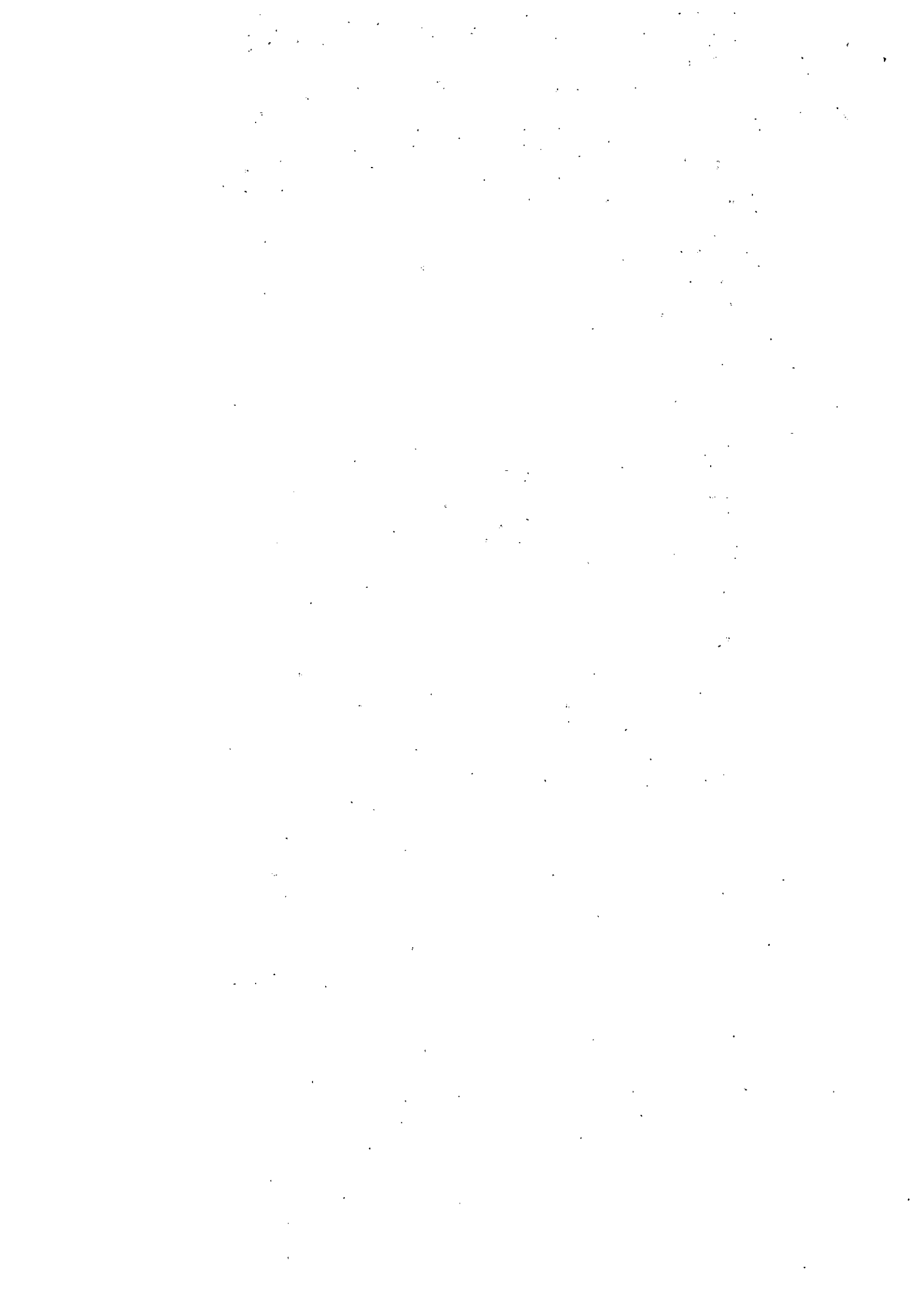
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung bởi: Điều 76 Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017, Khoản 3 Điều 116 Luật Cảnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018, Khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số .../BC-



HĐND ngày .. tháng ... năm 2022 của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung không quy định đối với các lệ phí tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại:

Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng; lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; lệ phí hộ tịch; lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Điều 2. Mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

1. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Cấp mới đối với nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	25.000
2	Cấp mới công trình xây dựng khác	50.000
3	Gia hạn giấy phép xây dựng	5.000

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (khu vực thửa đất)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		
			Cá nhân, hộ gia đình		Tổ chức
			Tại các xã, phường thuộc TP	Khu vực khác	
1	Cấp giấy chứng nhận mới				
	Trường hợp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; cấp quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Đồng/ giấy	12.500	5.000	50.000
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đồng/ giấy	50.000	25.000	250.000
2	Cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận				
	Trường hợp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; cấp quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	Đồng/ lần	10.000	5.000	25.000
	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Đồng/ lần	25.000	12.500	50.000
3	Xác nhận đăng ký biến động trên giấy chứng nhận đã cấp	Đồng/ lần	14.000	7.000	15.000
4	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/ văn bản (thửa đất)	7.500	3.500	15.000

3. Lệ phí hộ tịch

a) Mức thu đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Các việc hộ tịch phải nộp lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)	
		Nộp hồ sơ không sử dụng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhưng không thanh toán trực tuyến	Nộp hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến
1	Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000	5.000
2	Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử	8.000	5.000
3	Đăng ký lại kết hôn	25.000	15.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000	10.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000	10.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000	3.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	8.000	5.000

b) Mức thu đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Các việc hộ tịch phải nộp lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)	
		Nộp hồ sơ không sử dụng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhưng không thanh toán trực tuyến	Nộp hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến
1	Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	70.000	45.000
2	Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử	70.000	45.000
3	Đăng ký kết hôn, gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn	1.200.000	800.000
4	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ	70.000	45.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.200.000	800.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	28.000	18.000
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	35.000	22.000
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	70.000	45.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	70.000	45.000

4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Cấp giấy phép lao động	300.000
2	Cấp lại giấy phép lao động	225.000
3	Gia hạn giấy phép lao động	225.000

5. Lệ phí đăng ký kinh doanh

a) Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần)
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	50.000
2	Cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	10.000

b) Lệ phí đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần)
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	100.000
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	50.000
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã	25.000
4	Cấp lại, cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã (bao gồm: cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã)	10.000

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng .. năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động, Thương binh và XH; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh, Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung